| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 740/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Trần Cảnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Kim Em;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 05 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2017/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 09 năm 2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: 634/10/1 đường P, phường N, Thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Trần Võ Trọng N, sinh năm 1988; Địa chỉ: 34/4/2 đường 25A, Khu phố H, phường Q, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:*

Bà và ông Trần Võ Trọng N qua thời gian tìm hiểu được 01 (Một) năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng kí kết hôn vào năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2014 đăng kí ngày 22/12/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 01 (Một) năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Trần Võ Trọng N thiếu trách nhiệm với gia đình thường xuyên ăn nhậu, không quan tâm tới vợ con, mọi vấn đề kinh tế trong gia đình đều do bà thực hiện. Bà đã nhiều lần góp ý nhưng ông N vẫn không

thay đổi và năm 2016 bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột ở Vũng Tàu sinh sống, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, không có khả năng đoàn tụ, tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên bà yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với ông Trần Võ Trọng N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 (Một) con chung họ tên là Trần Vi Vi A, sinh ngày 16/7/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2017 bị đơn ông Trần Võ Trọng N trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Đ sống hạnh phúc được 01 (Một) năm thì xảy ra mâu thuẫn do ông không có điều kiện chăm lo cho gia đình vì chưa có việc làm ổn định, còn bà Nguyễn Thị Đ lại thiếu thông cảm, thường xuyên trách móc nên ông buồn chán và hay đi nhậu, đến năm 2016 thì vợ ông dẫn con về nhà ông bà ngoại sinh sống và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung họ tên là Trần Vi Vi A, sinh ngày 16/7/2014. Ông đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ vẫn cương

quyết ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đã có lời khai đồng ý ly hôn, đồng ý giao con chung cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao cho bà Đ trực tiếp nuôi con chung.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Trần Võ Trọng N và ông N đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N vắng mặt tại phiên tòa do có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ và ông N theo Khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2016 thì bà Đ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó cho đến nay vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, cả hai xác định tình cảm không còn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau từ năm 2016, bà Đ yêu cầu ly hôn, ông N đồng ý ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N có một con chung họ tên là Trần Vi Vi A, sinh ngày 16/7/2014. Hiện đang ở với bà Đ.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N cùng đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông N không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N cùng xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N cùng xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tung dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N (Giấy chứng nhận kết hôn số 176, quyển số 01/2014 đăng ký ngày 22/12/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 06, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Trần Vi Vi A, sinh ngày 16/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Trần Võ Trọng N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Võ Trọng N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/07788 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Võ Trọng N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ. .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(Đã ký và đóng dấu)**

**Mai Trần Cảnh**